SAO Y
Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
Cơ quan:
Thời gian ký: 29.10.2026 15:06:25 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103 /2026/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, Nghị định số 49/2026/NĐ-CP và Nghị định số 70/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan thuế, hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 3. Hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp

Hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp được xác định theo khu vực tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, cụ thể như sau:

1. Đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản

a) Không quá 5.000 m^2 (năm nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các phường thuộc Khu vực I.

b) Không quá 10.000 m^2 (mười nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các xã thuộc Khu vực II.

c) Không quá 30.000 m^2 (ba mươi nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các xã, phường thuộc Khu vực III.

2. Đất trồng cây lâu năm

a) Không quá 5.000 m^2 (năm nghìn mét vuông) đối với các phường thuộc Khu vực I.

b) Không quá 10.000 m^2 (mười nghìn mét vuông) đối với các xã thuộc Khu vực II.

c) Không quá 100.000 m^2 (một trăm nghìn mét vuông) đối với các xã, phường thuộc Khu vực III.

3. Đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng

a) Không quá 10.000 m^2 (mười nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các phường thuộc Khu vực I.

b) Không quá 20.000 m^2 (hai mươi nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các xã thuộc Khu vực II.

c) Không quá 200.000 m^2 (hai trăm nghìn mét vuông) cho mỗi loại đất đối với các xã, phường thuộc Khu vực III.

(Đính kèm Phụ lục các khu vực)

4. Trường hợp vượt hạn mức giao đất quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2026 và thay thế các Quyết định sau:

1. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Các trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị giao đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định hạn mức giao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do tự khai hoang, không có tranh chấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước áp dụng tại địa bàn nơi có đất tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Trưởng Thuế thành phố Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các sở, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (Phượng 120 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Anh

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 103 /2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

Khu vực	Địa bàn xã, phường
I	**Gồm 22 phường:** Biên Hòa, Trấn Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Trảng Dài, Hố Nai, Long Hưng, Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Tân Triều, Phước Tân, Tam Phước, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom, Trị An, Xuân Lộc, Dầu Giây, Tân Phú.
II	**Gồm 33 xã:** Đại Phước, Phước An, Phước Thái, Long Phước, Bình An, An Phước, An Viễn, Bình Minh, Bàu Hàm, Hưng Thịnh, Gia Kiệm, Thống Nhất, Xuân Quế, Xuân Đường, Cẩm Mỹ, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Định, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Thành, Xuân Bắc, La Ngà, Định Quán, Phú Vinh, Phú Hòa, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Phú Lâm, Tân An, Thanh Sơn, Đak Lua, Phú Lý.
III	**Gồm 11 phường:** Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Long, An Lộc, Phước Bình, Phước Long, Đồng Xoài, Bình Phước, Đồng Phú, Tân Khai, Lộc Ninh. **Gồm 29 xã:** Nha Bích, Tân Quan, Tân Hưng, Minh Đức, Lộc Thành, Lộc Hưng, Lộc Tấn, Lộc Thạnh, Lộc Quang, Tân Tiến, Thiện Hưng, Hưng Phước, Phú Nghĩa, Đa Kia, Bình Tân, Long Hà, Phú Riềng, Phú Trung, Thuận Lợi, Đồng Tâm, Tân Lợi, Phước Sơn, Nghĩa Trung, Bù Đăng, Thọ Sơn, Đak Nhau, Bom Bo, Bù Gia Mập, Đăk Ơ.